

Bản án số: 09/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 7 - 2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Đạt;

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Kim Cảnh;
2. Ông Lê Đình Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Quy – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Nguyệt Quế – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2025/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2025 về việc “*Ly hôn tranh chấp nuôi con*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Nh Q, sinh năm 1993, số CCCD: 038193035285; Địa chỉ: Thôn M Th, xã Th Ph, huyện Thiệu Hóa (Nay là Thôn M Th, xã Thiệu Hóa), tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Lê K T, sinh năm 1990, số CCCD: 038090002010; Địa chỉ: Thôn M Th, xã Th Ph, huyện Thiệu Hóa (Nay là Thôn M Th, xã Thiệu Hóa), tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 29/5/2025, bản tự khai, đơn đề nghị xét xử vắng mặt và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Lê Thị Nh Q trình bày:

Giữa nguyên đơn và bị đơn anh Lê K T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 02/11/2012 tại Ủy ban nhân dân (xã Th Ph, huyện Thiệu Hóa nay là xã Thiệu Hóa), tỉnh Thanh Hóa, hai bên kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh bất đồng quan điểm sống, vợ chồng chửi bới xúc phạm nhau, dù đã cố gắng rất nhiều, hai bên gia đình khuyên giải, đề cải thiện tình cảm nhưng không được, từ đầu năm 2021 vợ chồng ly thân, việc ai người đầy lo. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân

không đạt được, chị Q đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Q được ly hôn anh Lê K T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lê K Ngh sinh ngày 25/12/2013 và cháu Lê T V sinh ngày 11/10/2015; Ly hôn chị Q yêu cầu được nuôi 02 con chung và yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi cháu mỗi tháng 2.000.000đ/tháng, hai cháu là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng)/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 30/5/2025 bị đơn là anh Lê K T trình bày:

Về hôn nhân: Anh Lê K T không đồng ý ly hôn với chị Lê Thị Nh Q với lý do vợ chồng chưa đến mức mâu thuẫn, anh mong muốn vợ chồng hòa hợp để nuôi dạy con cái.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lê K Ngh sinh ngày 25/12/2013 và cháu Lê T V sinh ngày 11/10/2015; Nếu chị Q cố tình ly hôn, anh Th yêu cầu Tòa án hỏi ý kiến các con, các con ở với ai thì giao cho người đó; Nếu 02 con ở với anh Th thì anh Th yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi mỗi cháu mỗi tháng 2.000.000đ/tháng, hai cháu là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng)/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi, nếu hai cháu ở với chị Q thì anh Th cấp dưỡng nuôi mỗi cháu 2.000.000đ/tháng.

Về tài sản: Anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Th đề nghị vắng mặt tại các buổi làm việc tại Tòa án.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đã phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Trong quá trình từ khi thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ: Khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, Điều 9; điểm a khoản 5 và khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Đề nghị Hội đồng xét xử cho ly hôn giữa chị Q và anh Th; Về giao nuôi con: Giao con chung là Lê K Ngh sinh ngày 25/12/2013 và cháu Lê T V sinh ngày 11/10/2015 cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng và ghi nhận mức cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Q yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi các con đủ 18 tuổi; Về án phí: Chị Q phải chịu án phí ly hôn, anh Th phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy;

[1]. Về tố tụng: Chị Lê Thị Nh Q và anh Lê K T có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị Quyết 81/2025/UBTVQH 15 ngày 27/6/2025 của Ủy

ban thường vụ Quốc Hội và Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân. Chị Q và anh Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Q và anh Th.

[2]. Về hôn nhân: Chị Lê Thị Nh Q và anh Lê K T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và không vi phạm các điều cấm của luật hôn nhân gia đình như vậy là hôn nhân hợp pháp. Thấy rằng quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, hai bên sống ly thân, không quan tâm đến nhau, quá trình giải quyết vụ án mặc dù không muốn ly hôn, nhưng anh Th bỏ mặc, không quan tâm, không có biện pháp níu kéo, từ bỏ nhiều quyền lợi trong đó việc có mặt tại Tòa án tham gia hòa giải là cơ hội vợ chồng gặp gỡ hòa giải đoàn tụ. Điều này chứng tỏ cuộc sống vợ chồng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Lê Thị Nh Q được ly hôn anh Lê K T là phù hợp.

[3]. Về con chung: Chị Lê Thị Nh Q và anh Lê K T khai nhận vợ chồng có 02 con chung, tên cháu là Lê K Ngh sinh ngày 25/12/2013 và cháu Lê T V sinh ngày 11/10/2015; Chị Q xuất trình cho Tòa án bản sao giấy khai sinh của cháu Lê K Ngh sinh ngày 25/12/2013 và cháu Lê T V sinh ngày 11/10/2015 có ghi họ tên mẹ là chị Lê Thị Nh Q, họ tên bố là anh Lê K T, như vậy đủ cơ sở khẳng định cháu Lê K Ngh sinh ngày 25/12/2013 và cháu Lê T V sinh ngày 11/10/2015 là con chung của chị Q và anh Th.

Chị Q và anh Th đều mong muốn được nuôi con chung, xét thấy 02 con chung hiện tại hơn 07 tuổi đều có nguyện vọng ở với chị Q, nên giao chị Q nuôi 02 con chung là phù hợp.

Ghi nhận mức cấp dưỡng nuôi con chung mà chị Q yêu cầu nuôi con chung mỗi cháu 2.000.000đ/ tháng, hai cháu là 4.000.000đ/tháng.

[4]. Về tài sản: Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Q chịu án phí ly hôn, anh Th chịu án phí về việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 6, Điều 9, điểm a khoản 5 và khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Lê Thị Nh Q được ly hôn anh Lê K T.

2. Về con chung: Giao con chung là Lê K Ngh sinh ngày 25/12/2013 và cháu Lê T V sinh ngày 11/10/2015 cho chị Lê Thị Nh Q trực tiếp nuôi dưỡng;

Buộc anh Lê K T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Q mỗi cháu mỗi tháng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng), cho đến khi cháu Nghĩa và cháu Vy đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 8 năm 2025.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở; Không lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con cái.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Nh Q phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Q đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0005245 ngày 30/5/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thiệu Hóa, chị Q đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Lê K T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Dân sự sơ thẩm đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị Q và anh Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 3 – Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Thiệu Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Hoàng Văn Đạt

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thiệu Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Thi hành án dân sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Đạt

